

## VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 54/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 01 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thực hiện  
thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân  
quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong lĩnh vực công thương**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ

quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Quyết định số 31/2021/QĐ-TTg ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế quản lý, vận hành, khai thác Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Công văn số 8478/SCT-VP ngày 16 tháng 12 năm 2024 và kết quả thẩm định của Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố tại Công văn số 770/TTCĐS-QLVKTDL ngày 31 tháng 12 năm 2024.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa đối với 14 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận của Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức trong lĩnh vực công thương. (chi tiết tại phụ lục)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Trung tâm Chuyển đổi số Thành phố, Giám đốc Sở Công Thương, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Võ Văn Hoan**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

### **Phụ lục**

**Danh mục thành phần hồ sơ phải số hóa thực hiện thủ tục hành chính  
thuộc thẩm quyền tiếp nhận của ủy ban nhân dân quận, huyện,  
thành phố Thủ Đức trong lĩnh vực công thương**

*(Kèm theo Quyết định số 54/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2025  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

| <b>Stt</b>  | <b>Tên thủ tục hành chính</b>      | <b>Thành phần hồ sơ thực hiện số hóa</b>  | <b>Ghi chú</b> |
|---|------------------------------------|---|----------------|
| <b>I. Lĩnh vực cụm công nghiệp</b>                |                                    |   |                |
| 1.  | Thành lập/ mở rộng cụm công nghiệp | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp (trong đó có cam kết không vi phạm các quy định của pháp luật và chịu mọi chi phí, rủi ro nếu không được chấp thuận) kèm theo Báo cáo đầu tư thành lập/mở rộng cụm công nghiệp và bản đồ xác định vị trí, ranh giới của cụm công nghiệp.</li> <li>- Bản sao hợp lệ tài liệu về tư cách pháp lý của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.</li> <li>- Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh năng lực tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật gồm ít nhất một trong các tài liệu sau: Báo cáo tài chính 02 năm gần nhất; cam kết hỗ trợ tài chính của công ty mẹ; cam kết hỗ trợ tài chính của tổ chức tài chính; bảo lãnh về năng lực tài chính; tài liệu khác chứng minh năng lực tài chính (nếu có).</li> <li>- Bản sao hợp lệ tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức đề nghị làm chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp và các văn bản, tài liệu khác có liên quan (nếu có).</li> </ul> |                |
| <b>II. Lĩnh vực lưu thông hàng hóa trong nước</b> |                                    |   |                |

|    |  |  |  |
|----|--|--|--|
| 2. | Cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</li> <li>- Bản công bố sản phẩm rượu hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy hoặc Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm (đối với rượu chưa có quy chuẩn kỹ thuật); Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, trừ trường hợp đối với cơ sở thuộc loại kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ theo quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm.</li> <li>- Bản liệt kê tên hàng hóa rượu kèm theo bản sao nhãn hàng hóa rượu mà tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc dự kiến sản xuất.</li> </ul> |  |
| 3. | Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp (nếu có).</li> </ul>   |  |
| 4. | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp.</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>  |  |
| 5. | Cấp Giấy phép bán lẻ rượu  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu (Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh.</li> <li>- Hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ.</li> <li>- Văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.</li> </ul>  |  |
| 6. | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu                                     | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung (Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp.</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>  |  |

|     |  |  |  |
|-----|--|--|--|
| 7.  | Cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu  | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại (Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 17/2020/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy phép đã được cấp (nếu có).</li> </ul>   |  |
| 8.  | Cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                               | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 23 kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT).</li> <li>- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.</li> <li>- Các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.</li> </ul> |  |
| 9.  | Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 46 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT).</li> <li>- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp.</li> <li>- Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.</li> </ul>   |  |
| 10. | Cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá                           | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (Phụ lục 52 ban hành kèm theo Thông tư số 57/2018/TT-BCT).</li> <li>- Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).</li> </ul>  |  |
| 11. | Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai (Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực.</li> <li>- Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.</li> </ul>  |  |
| 12. | Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai        | Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP)  |  |
| 13. | Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận (Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP).</li> <li>- Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi.</li> </ul>  |  |

| <b>III. Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng</b> |  |   |
|---|--|---|
| 14.   | Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên | <p>* Trường hợp Thông báo lần đầu:<br/>01 Thông báo thực hiện bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo Mẫu số 10 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.</p> <p>* Trường hợp sửa đổi, bổ sung nội dung thông báo:<br/>01 thông báo sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 11 Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 55/2024/NĐ-CP.</p> |

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**